TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2020/HSST
Ngày: 26/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B -TỈNH Đ
Với *thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Bùi Lan Hương**
Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Thiều Thị Phi Loan**
Bà Trương Thị Thìn

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Trần Nhàn** – Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đ

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B tham gia phiên tòa***:** **Bà Trần Thị Bích Hồng** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2020/HSST ngày 14/01/2010 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/HSST ngày 12/02/2020 đối với bị cáo:

Tạ Ngọc T, Giới tính: Nam
Tên gọi khác: Không.
Sinh năm 1982 tại B.
Nơi cư trú: Khu phố L, phường B, thành phố C, tỉnh K.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ: Không.
Con ông: Tạ Ngọc Q, sinh năm 1953 và bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1962.
Gia đình có 04 chị em; Bị cáo là con thứ hai.
Vợ: Trần Thị Kim D, sinh năm 1989, có 01 (Một) con sinh năm 2018.
Tiền án:
+ Ngày 26/4/2002, bị Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử phúc thẩm xử 18 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản". (Chưa đóng án phí).
+ Ngày 14/7/2004, bị Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử phúc thẩm xử 05 năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản". (Chưa đóng án phí).
Tiền sự: Không.
Bị bắt ngày 20/9/2019 – Có mặt.
Bị hại:
1. Anh Trịnh Hoàng T, sinh năm 1993 – Vắng mặt.
Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đ.
2. Chị Phạm Thị D, sinh năm 1977 – Vắng mặt.
Địa chỉ: Tổ 4, khu phố 8, phường Long Bình, TP. B, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 20/9/2019, Tạ Ngọc T điều khiển xe mô tô biển số 60N8-7507 đến Bệnh viện Nhi đồng Đ thuộc khu phố 5, phường T, thành phố B để trộm cắp tài sản. Sau khi vào Bệnh viện Nhi đồng Đ, T đi vào phòng số 06 khoa chấn thương chỉnh hình thì phát hiện anh Trịnh Hoàng T đang ngủ say nên T lén lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37F của anh T đang để bên cạnh bỏ vào túi quần, sau đó T tiếp tục đi qua phòng số 07 khoa chấn thương chỉnh hình thì phát hiện chị Phạm Thị D đang nằm ngủ, bên cạnh chị D có để chiếc áo khoác màu đỏ, bên trong túi áo khoác có để chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J4 đang sạc pin, khi T đi đến rút dây sạc và lén lấy áo khoác cùng chiếc điện thoại đi được khoảng 3 mét thì bị chị D phát hiện tri hô đuổi theo cùng anh Đinh Văn V là bảo vệ của Bệnh viện bắt giữ T giao Công an phường T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để điều tra xử lý.

Vật chứng được thu giữ gồm:

+ 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A37F. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã giao trả cho anh Trịnh Hoàng Thịnh, bút lục số 61.

+ 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy J4 và 01 (Một) chiếc áo khoác. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã giao trả cho chị Phạm Thị D.

+ 01 (Một) chiếc xe mô tô hiệu Attila biển số 60N-7507 T dùng làm phương tiện phạm đi trộm cắp tài sản và 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Masstel, số Imei 230014176623006 của T sử dụng cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 426/TCKH-HĐĐG ngày 22/9/2019, của Hội đồng định giá tài sản thành phố B đã kết luận:

1/ 01 (Một) cái điện thoại di động

- Nhãn hiệu: Samsung Galaxy J4 Plus - Model: SM-J415F/DS.
- Số imei: 352987100277351.

2/ 01 (Một) cái điện thoại di động

- Nhãn hiệu: Oppo - Model: A37F.
- Số imei: 861570038404794.

3/ 01 (Một) cái áo khoác nữ.

Tổng giá trị tài sản định giá: 3.625.000 đồng (*Ba triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*.

Trách nhiệm dân sự: Anh Trịnh Hoàng T và chị Phạm Thị D đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKSBH ngày 09/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân TP. B đã truy tố bị cáo Tạ Ngọc T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Tạ Ngọc T mức án: từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an TP. B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận do muốn có tiền tiêu xài nên vào khoảng 02 giờ ngày 20/9/2019, tại khoa Chấn thương chỉnh hình Bệnh viện Nhi đồng Đ, thuộc khu phố 5, phường T, thành phố B, bị cáo đã có hành vi trộm cắp 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A37F trị giá 1.000.000đ (Một triệu đồng) của anh Trịnh Hoàng T, 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy J4 và 01 (Một) chiếc áo khoác trị giá 2.625.000đ (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) của chị Phạm Thị D thì bị bắt quả tang. Tổng giá trị tài sản T trộm cắp là 3.625.000đ (Ba triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ.

Do bị cáo có tiền án về về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích nên hành vi của bị cáo Tạ Ngọc T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung "tái phạm nguy hiểm" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân TP. B đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Cũng với hành vi tương tự, ban thân bị cáo đã bị kết án nhưng không chịu lấy đó làm bài học để sửa chữa, rèn luyện bản thân lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có các tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại nên gây thiệt hại không lớn. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về phần dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (Một) điện thoại di động hiệu Masstel, số Imei 1: 301014176522990 và số Imei 2: 3010141176523006, cần trả lại cho bị cáo vì không liên quan đến vụ án.

Đối với 01 (Một) chiếc xe mô tô hiệu Attila biển số 60N-7507 T dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản và 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe, hiện chưa xác minh được nguồn gốc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục tạm giữ, xác minh xử lý sau.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Tạ Ngọc T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Tạ Ngọc T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/9/2019.

2. Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Tạ Ngọc T 01 (Một) điện thoại di động hiệu Masstel, số số Imei 1: 301014176522990 và số Imei 2: 3010141176523006, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/02/2020 của Thi hành án dân sự thành phố B.

3.Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Lan Hương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự CATPBH;
- Sở tư pháp tỉnh Đ;
- Bị cáo – Bị hại;
- Lưu.